

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Bản án số: 30/2024/DS - ST.**

**Ngày 16 - 4 - 2024**

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH T**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hương

- **Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Phan Văn Hoàng;  
2. Ông Thái Văn Lộc.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đàm Nguyên Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T tham gia phiên tòa:**  
Bà Khổng Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 763/2023/TLST - DS ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông [Phùng Mười H](#) năm 1956; nơi cư trú: số G khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh T, có mặt;

**Bị đơn:** Ông [Lâm Văn N](#) năm 1969; nơi cư trú: ấp B, xã N, huyện C, tỉnh T, có mặt;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 12 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông [Phùng Mười H1](#) bày:

Qua quen biết ông [Mười H2](#) cho ông [N1](#) số tiền 270.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 16/02/2023 vay 50.000.000 đồng;
- Ngày 22/02/2023 vay 50.000.000 đồng;
- Ngày 21/3/2023 vay 170.000.000 đồng.

Lãi suất thoả thuận miệng là 3% nhưng chưa trả lãi tháng nào, không thoả thuận thời hạn trả nợ. Ngày 23/3/2023 ông [N2](#) trả tiền vay gốc

120.000.000 đồng, nên ông rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 120.000.000 đồng.

Nay ông yêu cầu ông [N3](#) số tiền gốc còn nợ 150.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất của số tiền 150.000.000 đồng từ ngày 22/3/2023 đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật là 0,83%/tháng. Ngoài ra, ông [N4](#) có nợ ông khoản tiền nào khác.

*Bị đơn ông [Lâm Văn N5](#) bày tại biên bản lấy lời khai và biên bản hoà giải:*

Ông Nguyễn ý có vay của ông [M](#) Hsố tiền gốc là 270.000.000 đồng, ông N đã trả tiền lãi 22.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ chứng minh, ông [Mười H3](#) trình bày hai bên thoả thuận miệng là 3%/ tháng là không đúng. Tiền gốc ông [N2](#) trả 120.000.000 đồng, còn nợ gốc 150.000.000 đồng. Nay ông đồng ý trả số tiền còn nợ gốc 150.000.000 đồng và đồng ý trả lãi suất theo quy định 0,83%/ tháng, Toà án xem xét số tiền lãi ông đã trả. Khi vay cũng không có thể chấp giấy tờ có giá trị hay tài sản khác. Ngoài ra, hai bên không có số nợ nhau số tiền nào khác.

*-Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông [Phùng Mười H4](#) đối với số tiền 120.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông [Phùng Mười H5](#) với ông [Lâm Văn N7](#). Buộc ông [N8](#) nghĩa vụ trả cho ông [M](#) Hsố tiền vay gốc 150.000.000 đồng. Tính lãi suất theo quy định là 0,83%/ tháng của số tiền 150.000.000 đồng từ ngày 22/3/2023 đến ngày xét xử. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng:

Ông [Phùng Mười H6](#) kiện ông [Lâm Văn N7](#), ông [N8](#) nơi cư trú tại ấp B, xã N, huyện C, tỉnh T, căn cứ Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

**[2] Về nội dung:**

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng.

[2.2] Nguyên đơn khởi kiện cho rằng bị đơn còn nợ số tiền vay gốc 150.000.000 đồng, bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền gốc 150.000.000 đồng là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc còn nợ 150.000.000 đồng.

[2.3] Về tiền lãi: Bị đơn cho rằng đã trả tiền lãi 22.000.000 đồng, nhưng không có chứng cứ chứng minh, nguyên đơn không thừa nhận nên không có căn cứ. Tại phiên Tòa, các đương sự thống nhất tính lãi suất của số tiền vay còn nợ 0.83%/tháng, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Tiền lãi được tính như sau: từ ngày 22/3/2023 đến ngày 15/4/2024 là 12 tháng 24 ngày =  $150.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 12 \text{ tháng } 24 \text{ ngày} = (14.940.000 \text{ đồng} + 996.000 \text{ đồng}) = 15.936.000 \text{ đồng}$ .

[3] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở buộc ông [N8](#) nghĩa vụ trả cho ông [M](#) H số tiền vay gốc còn nợ 150.000.000 đồng và tiền lãi 15.936.000 đồng. Tổng cộng 165.936.000 đồng.

[4] Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông [M](#) H được chấp nhận nên ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của số tiền phải trả là  $165.936.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.296.800 \text{ đồng}$ .

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của ông [Phùng Mười H4](#) đối với ông [Lâm Văn N7](#).

Buộc ông [Lâm Văn N9](#) nghĩa vụ trả cho ông [Phùng Mười H7](#) tiền 165.936.000 (Một trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn) đồng.

Trong đó: tiền vay gốc 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng; tiền lãi 15.936.000 (Mười lăm triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

### 3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông [Lâm Văn N10](#) chịu án phí số tiền 8.296.800 đồng (Tám triệu, hai trăm chín mươi sáu nghìn, tám trăm) đồng.

Ông [Phùng Mười H8](#) miễn án phí.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**[T THẨM PHÁN](#) - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
- Phòng nghiệp vụ TAND t.  
- VKSND h. C, t.T;  
- Chi CTHADS h. C, t.T;  
- Các đương sự;  
- Lưu hồ sơ;  
- Lưu tập án (Hg).

**Đỗ Thị Hương**